

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày: 11/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê ngọc Thành

Bà Mai Thanh Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:** Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 29/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HS ngày 28/12/2022 đối với bị cáo:

Bùi Thị H, sinh ngày 17/02/1986 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn T, Xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Duy C (đã chết), con bà: Võ Thị B, sinh năm 1942; chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (đã ly hôn), Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1985 (đã chết); con: Có 05 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số 86/2019/HS-PT ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên phạt bị cáo Bùi Thị H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/2021; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/10/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Phan Đức T, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Anh Võ Ngọc V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 28/9/2022, Bùi Thị H điều khiển xe mô tô BKS 73K7-9909 đi từ nhà mình ở thôn T, xã V, huyện Quảng

Ninh, tỉnh Quảng Bình lên khu vực thôn M, xã S, huyện L với ý định nếu nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường trước nhà anh Phan Đức T ở thôn M, xã S có một chiếc xe kéo bằng sắt của anh T để ở cạnh đường không có người trông giữ, H dùng xe đến lấy trộm chiếc xe kéo, rồi điều khiển xe mô tô kéo theo xe kéo đưa về nhà ở của mình cất giấu.

Khoảng 03 giờ ngày 13/10/2022 H tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đi từ nhà mình lên khu vực thôn M, xã S, khi đến quán hàn xì Cúc V của anh Võ Ngọc V, thì H nhìn thấy trước quán có 02 tấm sắt và 01 ống kẽm không có người trông giữ, H đã lấy trộm đem về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG ngày 20/10/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy kết luận: Xe kéo làm bằng kim loại có giá trị 3.500.000 đồng; Hai tấm kim loại bằng sắt có giá trị 600.000 đồng; 01 ống kim loại bằng kẽm có giá trị 400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Thị H trộm cắp là 4.500.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã tạm giữ: 01 xe kéo làm bằng kim loại; 02 tấm kim loại hình bình hành bằng sắt; 01 ống kim loại hình trụ làm bằng kẽm; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73K7-9909; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0054213. Tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 20/10/2022. Ngày 21/10/2022 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã trả lại các tài sản gồm 01 xe kéo, 02 tấm kim loại, 01 ống kẽm cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Các bị hại anh Nguyễn Đức T, Võ Ngọc V đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKSNDLT ngày 28/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Bùi Thị H về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 09 đến 12 tháng tù; về vật chứng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 các Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước xe mô tô BKS 73K7- 9909 và giấy đăng ký xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị H đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Bị cáo khai, do hoàn cảnh quá khó khăn, một mình phải nuôi 05 đứa con ăn học nên bị cáo nảy sinh ý định đi lên địa bàn xã S, huyện L xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu và bị cáo đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản như nội dung cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bùi Thị H đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu, lén lút hai lần trộm cắp tài sản: Lần thứ nhất trộm cắp chiếc xe kéo của anh Phan Đức T có trị giá 3.500.000 đồng; lần thứ hai trộm cắp 02 tấm sắt, 01 ống kẽm của anh Võ Ngọc V có trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá 4.500.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy lần trộm cắp thứ hai có trị giá dưới 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng) nhưng bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu khó lao động kiếm tiền chính đáng, mà luôn có ý nghĩ chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân; trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 86/2019/HS-PT ngày 18/9/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 20/8/2021 đến ngày 28/9/2022 và ngày 13/10/2022 tiếp tục 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản, mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 2 lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Ngoài ra, các bị hại anh Phan Đức T và anh Võ Ngọc V đã nhận lại tài sản bị mất và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4].Vật chứng vụ án: Số vật chứng Cơ quan điều tra tạm giữ và đã xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng xe mô tô BKS 73K7-9909 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị L nhưng Chị L đã bán cho chị Mai Thị Kim H, chị H đã bán lại cho cửa hàng xe máy của chị Lê Thị Ngọc Th, sau đó chị Th bán lại cho Bùi Thị H mà chưa làm thủ tục sang tên nên xác định chủ sở hữu là Bùi Thị H. Bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[5].Về dân sự: Bị hại anh Phan Đức T và anh Võ Ngọc V không ai có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[7].Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Thị H trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước xe mô tô BKS 73K7-9909 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị L. Tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy ngày 30/11/2023

- Bị cáo Bùi Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h.Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy và ĐTV;
- Sở Tư pháp t.Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn